TÒA ÁN NDTP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST- HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Hoàng Thúy Kiên**;

Thư ký phiên họp: **Bà Hoàng Thị Tuyến**;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên họp: Bà **Hoàng Thị Diệu Ngọc -** Kiểm sát viên.

Ngày19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01năm 2019 về việc: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+ Người yêu cầu :

Anh Lương Đắc T, sinh năm 1991; Đăng ký HKT và ở:Thôn Vụ Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Đinh Thị Kim D, sinh năm 1990; Đăng ký HKTTvà ở: Tổ 3, phường Gia Sàng, thành phốThái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, anh Lương Đắc T là người yêu cầu trình bày:

Khoảng cuối năm 2011, trong khi đi làm tại Hải Phòng anh T gặp một cô gái không quen biết, tự giới thiệu tên là ***"Đinh Thị Kim D, sinh năm 1990, có hộ khẩu ở thôn 3, xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình"***. Hai người có quan hệ sinh lý, cô gái có thai và sinh 01 bé trai vào ngày 27/3/2012. Ngày 21/5/2012 anh T và cô gái đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Toàn bộ giấy tờ pháp lý cô gái sử dụng làm thủ tục đăng ký kết hôn có thông tin căn cước là ***Đinh Thị Kim D, sinh ngày 10/7/1990, nơi thường trú tại thôn 3, xã Phú***

Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Bé trai đã được làm thủ tục khai sinh là Lương D, sinh ngày 27/3/2012, cha đẻ là anh T, mẹ đẻ là chị D.

Sau thời gian hai người chung sống (khoảng1 tháng) thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cô gái đã bỏ nhà đi, để lại con cho anh T nuôi. Anh T đã tìm vợ tại địa chỉ thôn 3, xã Phú Long nói trên thì được biết người phụ nữ đã làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh T không phải là Đinh Thị Kim D có các thông tin căn cước như hồ sơ đăng ký kết hôn. Anh T đã trực tiếp gặp chị D và được biết tại thời điểm anh T và cô gái làm thủ tục kết hôn (21/5/2012) chị D đang là sinh viên của Đại học Thái Nguyên, sau đó chị D đã kết hôn với anh **Hà Bách T** và chuyển khẩu từ thôn 3 xã Phú Long đến cư trú tại tổ 3, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên. Nay anh T cũng không xác định được nhân thân, địa chỉ của cô gái đã sử dụng thông tin căn cước của chị D để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh.

Anh T yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật nêu trên. Đồng thời xác định cháu Lương D, sinh ngày 27/ 3/ 2012 không phải con của chị D, chị D không có quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với cháu Duy.

Các chứng cứ anh T chứng minh cho yêu cầu nêu trên là hợp pháp gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh T và chị D;

- Gấy khai sinh của cháu Lương D, sinh ngày 27/3/2012;

- Đơn đề nghị của anh T có xác nhận của Công an phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên về nơi cư trú của chị D;

Chị Đinh Thị Kim D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác định: Những thông tin căn cước của người vợ thể hiện trong Giấy chứng nhận kết hôn do anh T cung cấp trùng với những thông tin căn cước về nhân thân của chị D; Chị D không quen biết anh T; Không thực hiện đăng ký kết hôn với anh T; Không sinh ra cháu Lương D; Không xác định được lý do người phụ nữ đã đăng ký kết hôn với anh T có các giấy tờ liên quan đến nhân thân của chị;

Hiện chị đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Hà Bách T, thủ tục đăng ký kết hôn thực hiện tại Uỷ ban nhân dân xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/9/2012; Chị đồng ý với yêu cầu của anh T và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của anh T theo quy định của pháp luật.

Chứng cứ chị D cung cấp gồm: Giấy chứng minh nhân dân của chị D; Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị D và anh Hà Bách T; Sổ hộ khẩu gia đình;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

+Về tố tụng: Tòa án thụ lý đơn yêu cầu của anh Lương Đắc T là đúng thẩm quyền. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết yêu cầu của đương sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng;

+ ***Về nội dung***: Căn cứ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định yêu cầu của anh T là có cơ sở. Đề nghị Thẩm phán chấp nhận;

Lệ phí, quyền kháng cáo của đương sự, quyền kháng nghị của Viện kiểm sát giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Căn cứ lời khai của chị D xác định việc anh T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật nêu trên là không có tranh chấp. Căn cứ Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định yêu cầu của anh T là việc dân sự về hôn nhân gia đình,Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] ***Về nội dung****:* Trên cơ sở yêu cầu của anh T Tòa án đã tiến hành thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, kết quả như sau:

+ Uỷ ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến thủ tục kết hôn giữa anh T và chị D. Đồng thời, có Công văn số 06/UBND-TP ngày 24/02/2019 xác nhận việc tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Lương Đắc T và người phụ nữ có căn cước là ***Đinh Thị Kim D, sinh ngày 10/7/1990, thường trú tại thôn 3, xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*** - Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2012, quyển số 1, ngày 21/5/2012 như anh T cung cấp. Do đó xác định sự kiện pháp lý anh T và người phụ nữ không rõ nhân thân, địa chỉ đã sử dụng các giấy tờ mang thông tin căn cước của chị D để đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Bản vào ngày 21/5/2012 là có thật.

+ Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình có Công văn số 01/CV-UBND ngày 20/02/2019 xác nhận: Ngày 30/8/2012 Ủy ban nhân dân xã Phú Long có cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho chị ***Đinh Thị Kim D, sinh ngày 10/7/1990, thường trú tại thôn 3, xã Phú Long*** để chị D làm thủ tục kết hôn với **anh Hà Bách T,** tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương và xác nhận tại xã Phú Long không có trường hợp nào trùng căn cước với chị D.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Người phụ nữ hiện không rõ nhân thân, địa chỉ, có 01 con chung với anh T là cháu Lương D, sinh ngày 27/3/2012, sau khi

sinh con đã sử dụng các giấy tờ giả có căn cước, lý lịch của chị Đinh Thị Kim D hiện có chồng là anh Hà Bách T như nêu trên để lừa dối anh T, nhằm làm cho anh T hiểu sai lệch về nhân thân của đối tượng dẫn đến anh T đồng ý kết hôn, vì vậy bản chất việc kết hôn này không có sự tự nguyện của hai bên. Việc kết hôn này vi phạm các quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 5; điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 (được chuyển hóa từ các quy định tương ứng của Luật hôn nhân gia đình năm 2000). Các quy định trên như sau:

-" Điều 5. Bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình...

2. Cấm các hành vi sau đây: .../ b)...Lừa dối kết hôn,...";

- "Điều 8. Điều kiện kết hôn / 1. ...;/ b)Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định...";

Anh T có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn này theo quy định tại Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình, nội dung Điều luật như sau:

" Điều 10. Người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

1. ...Người bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình... yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm...b khoản 1 Điều 8..."

Xét thấy: Việc kết hôn- có Giấy chứng nhận số 86/2012- quyển số 1 ngày 21/5/2012 do Uỷ ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương thực hiện là sự kiện pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ về quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Đắc T và chị Đinh Thị Kim D. Tuy nhiên, việc kết hôn này là trái pháp luật, do đó Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, căn cứ các quy định nêu trên và các quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TADTC- VKSND TC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, ban hành Quyết định hủy kết hôn trái pháp luật này, không công nhận anh T và chị D là vợ chồng. Quyết định này là cơ sở pháp lý chấm dứt quyền và nghĩa vụ về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D.

Đồng thời, xác định chị D không phải là mẹ của cháu Lương D, sinh ngày 27/3/2012, không có quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với cháu Duy. Anh T có quyền thực hiện các thủ tục pháp lý về cải chính hộ tịch cho cháu Lương D tại Cơ quan có thẩm quyền theo định.

Như vậy là phù hợp với các quy định nêu trên, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự.

Nội dung các quy định trên như sau:

- " Điều 11. Xử lý việc kết hôn trái pháp luật

1.Xử lý việc kết hôn trái pháp luật được tòa án thực hiện theo quy định tại Luật này và pháp luật về tố tụng dân sự...";

-Khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 01/2016: *" " Lừa dối kết hôn" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là hành vi cố ý của một bên...nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch và dẫn đến việc đồng ý kết hôn; nếu không có hành vi này thì bên bị lừa dối đã không đồng ý kết hôn";*

+ Về án phí: Anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

+ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định tại Điều 371; 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các quy định:

+ Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40; Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điểm b khoản 2 Điều 5; điểm b khoản 1 Điều 8 ; Khoản 1 Điều 10; Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TADTC- VKSND TC- BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

+ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1.Chấp nhận yêu cầu của anh Lương Đắc T.

+ Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lương Đắc T và chị Đinh Thị Kim D do Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thực hiện- có Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2012, quyển số 1, ngày 21/5/2012. Không công nhận anh T và chị D là vợ chồng. Quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa anh T và chị D phát sinh từ quan hệ hôn nhân trái pháp luật chấm dứt kể từ ngày ban hành Quyết định này.

+Xác định chị Đinh Thị Kim D không phải là mẹ của cháu Lương D, sinh ngày 27/3/2012 và không có quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với cháu Duy. Anh T có quyền thực hiện các thủ tục pháp lý về cải chính hộ tịch cho cháu Lương D tại Cơ quan có thẩm quyền theo định.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Thu của anh Lương Đắc T 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng lệ phí sang- theo Biên lai thu số **0007297** ngày 29/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- UBND xã Đại Bản,
h. An Dương, TP. Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Thúy Kiên

Chị D khẳng định không có mối quan hệ và không đăng ký kết hôn với anh T, do đó ngày 30/8/2012 chị D đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để chị D đăng ký kết hôn với anh Hà Bách T tại Ủy ban nhân xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/9/2012, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T hiện đang tồn tại và hợp pháp.